

HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: THỰC TRẠNG VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

Nguyễn Duy Phương*
Nguyễn Duy Thanh**

* PGS. TS, Trường Đại học Luật, Đại học Huế

** GV. Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Thông tin bài viết:

Từ khóa: pháp luật, hợp đồng, thương mại điện tử

Lịch sử bài viết:

Nhân bản 13/12/2018

Biên tập 07/01/2019

Duyệt bài 14/01/2019

Article Information:

Keywords: laws, contracts, e-commerce

Article History:

Received 13 Dec. 2018

Edited 07 Jan. 2019

Approved 14 Jan. 2019

Tóm tắt:

Hiện nay, Việt Nam ngày càng hội nhập toàn diện với thế giới về phương diện kinh tế. Việc tiếp thu các thành quả khoa học công nghệ là tất yếu và vô cùng cần thiết, trong đó bao gồm cả việc tiếp thu công nghệ thông tin nói chung và thương mại điện tử nói riêng. Thương mại điện tử là phương thức thương mại nhanh chóng, thuận tiện nhất và tiết kiệm chi phí, giúp cho việc kết nối giữa các nhà sản xuất, phân phối và khách hàng ngày càng tốt hơn. Tuy nhiên, giao dịch qua hợp đồng thương mại điện tử thường có nhiều rủi ro. Khi mà Website thương mại điện tử hầu như vẫn chưa thể tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, thì những thủ đoạn lừa đảo lại xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi hơn. Điều này đã phần nào làm hạn chế những lợi ích mà thương mại điện tử có thể đem lại. Vì thế, cần phải hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bên khi giao kết, thực thi các hợp đồng thương mại điện tử

Abstract

In recent years, our country has been integrated into the economy of the world. In this process, the absorption of scientific and technological achievements is indispensable and extremely necessary. This includes the acquisition of information technology in general and e-commerce in particular (e-commerce). E-commerce is the fastest, most convenient and cost-effective method to better establish connections among the manufacturers, the distributors and the customers. However, transactions through e-commerce contracts usually contain potential risks. While e-commerce websites are unlikely able to convince the customers, fraudulent practices are becoming increasingly popular and sophisticated, which in turn has limited the benefits of e-commerce. It is required the related legal regulations on e-commerce gradually need to be improved to ensure the legitimate interests of the parties when entering into and e-commerce contracts.

1. Khái quát về hợp đồng thương mại điện tử

Quan hệ hợp đồng là mối quan hệ phổ biến, là cơ sở pháp lý chủ yếu để các bên chủ thể thỏa thuận thiết lập nên các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia các giao dịch nhằm thỏa mãn nhu cầu cuộc sống hằng ngày cũng như các giao dịch kinh doanh thương mại. Xã hội phát triển càng hiện đại thì sự đa dạng của các loại hợp đồng cũng ngày càng tăng lên. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, giao dịch thương mại điện tử (TMĐT) được hình thành với nhiều lợi thế về chi phí rẻ, tốc độ truyền tải thông tin nhanh chóng, không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý và biên giới quốc gia. Sự gia tăng không ngừng của các giao dịch TMĐT làm xuất hiện một loại hình hợp đồng mới là hợp đồng TMĐT.

Điều 33 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 xác định: “Hợp đồng điện tử là hợp đồng được thiết lập dưới dạng thông điệp dữ liệu”. Dựa vào cách hiểu trên, có thể nêu lên định nghĩa hợp đồng TMĐT như sau: Hợp đồng TMĐT là sự thỏa thuận giữa các bên trong đó có ít nhất một bên là thương nhân. Chủ thể còn lại là chủ thể có tư cách pháp lý nhằm xác lập hợp đồng dưới dạng thông điệp dữ liệu.

Hợp đồng trong TMĐT có các đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, hợp đồng TMĐT vẫn giữ các đặc điểm pháp lý của một hợp đồng thương mại: một bên chủ thể là thương nhân; mục đích của hợp đồng trong TMĐT là lợi nhuận; đối tượng của hợp đồng là hàng hóa; nội dung hợp đồng thương mại thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng, đó là các điều khoản do các bên thỏa thuận.

Thứ hai, hợp đồng TMĐT có các đặc điểm riêng: hợp đồng được thể hiện hoàn

toàn dưới dạng thông điệp dữ liệu; trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng, các bên không cần gặp trực tiếp mà thông qua các phương tiện điện tử.

Đây là điểm khác biệt so với các hợp đồng được thực hiện thông thường.

2. Thực hiện hợp đồng thương mại điện tử

2.1 Tình hình thực hiện hợp đồng TMĐT tại Việt Nam

Hợp đồng TMĐT được hình thành khi các chủ thể tham gia giao dịch trong môi trường TMĐT và được thể hiện bởi nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, các hình thức phổ biến gồm: hợp đồng thương mại truyền thống được đưa lên website, hợp đồng TMĐT được hình thành qua giao dịch tự động, hợp đồng TMĐT hình thành qua thư điện tử, hợp đồng TMĐT có sử dụng chữ ký số. Vì vậy, để đánh giá tình hình sử dụng hợp đồng TMĐT trong hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, chúng ta cần căn cứ vào tình hình ứng dụng TMĐT của các chủ thể như việc sử dụng thư điện tử để giao dịch, xây dựng website TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến, mức độ tham gia vào các sàn giao dịch TMĐT và mức độ sử dụng các công cụ thanh toán điện tử khi thực hiện hợp đồng. Năm 2017, Cục TMĐT và Công nghệ thông tin - Bộ Công thương đã tiến hành điều tra từ cuối tháng 8 tới tháng 11 năm 2016 tại 3.566 doanh nghiệp trong cả nước nhằm tổng hợp điều tra, phân tích về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp TMĐT, hiện trạng ứng dụng TMĐT của cộng đồng trong nước. Thông qua số liệu của Báo cáo chỉ số TMĐT Việt Nam 2017¹, có thể rút ra được tình hình sử dụng hợp đồng TMĐT trong hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Thứ nhất, về hạ tầng và nguồn nhân lực đang được cải thiện một cách rõ rệt

Hạ tầng và nguồn nhân lực được thể hiện ở trong thiết bị thực hiện. Theo thống

¹ <http://www.vccom.vn/wp-content/uploads/2017/02/Bao-cao-EBI-2017-Final.pdf>

kê của Bộ Công thương trong Báo cáo chỉ số TMĐT Việt Nam 2017, có 99% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết có trang bị máy tính PC và laptop, bên cạnh đó có 61% cho biết có trang bị các thiết bị di động, bao gồm điện thoại thông minh và máy tính bảng².

Thứ hai, việc áp dụng các phương tiện điện tử nhằm ký kết hợp đồng đang trở nên ngày càng phổ biến

Có đến 45% doanh nghiệp cho biết có trên 50% lao động thường xuyên sử dụng email trong công việc, cao hơn tỷ lệ 39% trong năm 2015; 18% cho biết có tới 10% lao động thường xuyên sử dụng email. Xét về quy mô doanh nghiệp, nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) có tỷ lệ ứng dụng email cao hơn các doanh nghiệp lớn. Trong đó, mục đích chính sử dụng email trong doanh nghiệp vẫn là dùng để giao dịch với khách hàng và nhà cung cấp với con số 84%³. Nhìn chung, xu hướng sử dụng email trong các hoạt động của doanh nghiệp đang tăng dần so với các năm trước.

Thứ ba, các hợp đồng TMĐT giữa các doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) chủ yếu vẫn dưới dạng đơn đặt hàng qua email

Năm 2016, mới chỉ có 31% doanh nghiệp sử dụng các hợp đồng điện tử. Email vẫn là hình thức nhận đơn đặt hàng chủ yếu qua các công cụ trực tuyến của doanh nghiệp. 85% doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua email và tăng 7% so với năm 2015. Hai hình thức khác là website và sàn TMĐT/mạng xã hội có tỷ lệ thấp hơn nhiều và đều dưới mức 50%. Qua các năm, tỷ lệ nhận đơn đặt hàng của doanh nghiệp qua các công cụ trực tuyến có xu hướng tăng dần.

Khá tương đồng với hình thức nhận đơn đặt hàng, hoạt động đặt hàng của

doanh nghiệp với đối tác trên các công cụ trực tuyến vẫn chiếm chủ yếu là thông qua email (84% đặt hàng qua email), tiếp đến là website (46%) và sàn, mạng xã hội (32%). Tỷ lệ đặt hàng cũng đang có xu hướng tăng dần so với hai năm trước⁴.

Thứ tư, các doanh nghiệp đang dần chú ý đến các giao dịch TMĐT

Có đến 45% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết đã xây dựng website, tỷ lệ này không thay đổi nhiều so với các năm trước. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp đã chú trọng tới việc cập nhật thông tin thường xuyên lên website: 54% doanh nghiệp cập nhật thông tin lên website hàng ngày so với tỷ lệ 50% năm 2015⁵.

Thứ năm, ngoài email thì một số phương thức giao kết hợp đồng trong TMĐT chỉ mới bắt đầu phát triển

Kinh doanh trên mạng xã hội đang là một xu hướng thu hút sự quan tâm của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể và cá nhân bởi những lợi thế về hiệu quả và chi phí cũng như tính tương tác với khách hàng. Khảo sát cho thấy, có 34% doanh nghiệp đã tiến hành kinh doanh trên mạng xã hội, tăng 6% so với năm 2015.

Sàn TMĐT cũng là một công cụ hữu ích cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, tuy nhiên trong vài năm trở lại đây xu hướng này đang chững lại. Năm 2016 có 13% doanh nghiệp tham gia khảo sát triển khai kinh doanh trên các sàn TMĐT. Tỷ lệ này hầu như không thay đổi so với năm 2015⁶.

Năm 2015 đã đánh dấu sự bùng nổ mạnh mẽ của xu hướng thương mại di động. Song song với sự phát triển của hạ tầng di động, các doanh nghiệp đã đầu tư nhiều hơn

2 Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam 2018, tr. 25

3 Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Tlđđ, trang 25, 36

4 Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Tlđđ, trang 36

5 Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Tlđđ, trang 28

6 Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Tlđđ, trang 29

vào hoạt động kinh doanh trên nền tảng mới này, từ khâu nâng cấp website tương thích với thiết bị di động tới việc phát triển các ứng dụng. Khảo sát năm 2016 cho thấy, 19% doanh nghiệp đã phát triển website để tương thích với nền tảng di động.

Tương tự website phiên bản di động, tỷ lệ doanh nghiệp có ứng dụng bán hàng trên thiết bị di động năm 2016 cũng là 15%, giảm một chút so với năm 2015⁷.

Thứ sáu, giao dịch TMĐT của doanh nghiệp với người tiêu dùng đang dần trở nên phổ biến

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, tại Việt Nam, tổng số lượng người dùng internet vào khoảng 35 triệu, trong đó có khoảng 15 triệu người dùng đã từng truy cập vào các website TMĐT (chiếm 43% lượng người dùng internet) và lượng active user chiếm khoảng 15% số đó (2,3 triệu).

Người dùng truy cập vào các website TMĐT phần lớn để tra cứu thông tin sản phẩm, dịch vụ, hàng hoá và tham khảo giá, nơi bán. Số ít trong đó là có tham gia giao dịch trực tuyến. Số người đã từng tham gia đặt hàng và thanh toán online là khoảng 800.000 người. Lượng giao dịch online trung bình trên mỗi đầu người là 4 giao dịch/năm. Giá trị trung bình mỗi giao dịch dao động trong khoảng 100.000 đồng đến 140.000 đồng⁸.

Thứ bảy, các giao dịch giữa Chính phủ và doanh nghiệp thông qua sử dụng dịch vụ công trực tuyến ngày càng phổ biến

Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến liên quan tới các thủ tục thông báo, đăng ký, cấp phép, v.v.. của doanh nghiệp năm 2016 là 75%. Xu hướng sử dụng dịch vụ công trực tuyến tăng rõ rệt qua các năm⁹.

Qua phân tích tình hình thực hiện hợp đồng trong TMĐT, có thể rút ra một số đánh giá như sau:

- Việc xác lập và thực hiện các giao dịch bằng hợp đồng TMĐT đang diễn ra khá phổ biến;

- Chủ thể thực hiện các giao dịch này rất đa dạng (doanh nghiệp, người tiêu dùng, chính phủ, v.v.);

- Bên cạnh các lợi ích đạt được của giao dịch thông qua hợp đồng TMĐT, vẫn còn tiềm ẩn các rủi ro pháp lý cần được điều chỉnh và giải quyết.

2.2 Những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện hợp đồng TMĐT

Thứ nhất, chưa có hợp đồng TMĐT mẫu nên không bảo đảm sự thống nhất trong giao dịch TMĐT

Hiện nay, việc giao kết hợp đồng trực tuyến được tiến hành chủ yếu thông qua website của doanh nghiệp hoặc sàn giao dịch TMĐT của các nhà cung cấp trung gian. Khác với thư điện tử trao đổi trực tiếp giữa hai bên, giao kết hợp đồng trên website có thể được thực hiện qua sự tương tác giữa khách hàng và chức năng đặt hàng trực tuyến của website hoặc thông qua những hợp đồng truyền thống được đưa lên website mà thông thường đây là những hợp đồng mẫu. Pháp luật hiện hành mới bao hàm quy định điều chỉnh về quy trình giao kết hợp đồng trên website TMĐT có chức năng đặt hàng trực tuyến, mà chưa có quy định về nội dung hợp đồng mẫu, trong khi các giao dịch này đang phát triển ngày càng nhanh chóng và tự phát khiến cho người tiêu dùng gặp nhiều bất lợi. Trong môi trường TMĐT, các hợp đồng mẫu thường là hợp đồng sử dụng dịch vụ ngân hàng, hợp đồng đặt phòng khách sạn, hợp đồng mua bán hàng hóa...

⁷ Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Tlđd, trang 30.

⁸ <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/thuong-mai-dien-tu-muon-phat-trien-phai-bao-ve-nguoi-tieu-dung-25775.html>

⁹ Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2018), Tlđd, trang 39

Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản rập khuôn do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đơn phương soạn thảo để giao dịch với nhiều người tiêu dùng. Nội dung của hợp đồng đã được người bán chuẩn bị sẵn: người tiêu dùng chỉ có mỗi quyền tuyên bố chấp nhận hay không chấp nhận, chứ không có cơ hội thảo luận, thương lượng về từng điều khoản của hợp đồng.

Các hợp đồng mẫu chính là điển hình của sự bất cân xứng về thông tin, bất cân xứng về khả năng thương lượng. Người bán bao giờ cũng biết rõ hơn người mua những thông tin về hàng hóa, dịch vụ do mình cung cấp, do vậy, họ thường soạn hợp đồng với nhiều điều khoản dãi dòn không rõ ràng, không bình đẳng, dồn phần bất lợi cho người mua như bỏ qua những quy định về quyền của người mua khi giao kết hợp đồng; lừa dối hoặc giảm nhẹ những nghĩa vụ của người bán, chẳng hạn như người bán được miễn trừ hoặc rút ngắn thời hạn chịu ràng buộc vào trách nhiệm bảo đảm chất lượng hàng hóa hay nghĩa vụ bảo hành, sử dụng những thuật ngữ chuyên ngành trong các điều khoản hợp đồng mà không giải thích cho người tiêu dùng hiểu... Người tiêu dùng chỉ tiếp xúc với hợp đồng khi họ cần mua một loại hàng hóa hoặc dịch vụ nào đó, mặt khác, khi giao kết hợp đồng, điều họ chú ý hơn cả là giá cả, các điều kiện khuyến mãi và thường bỏ qua các điều khoản khác. Hợp đồng càng công kênh với nhiều điều khoản kỹ thuật phức tạp thì người tiêu dùng càng ít quan tâm và bỏ qua việc đọc hết nội dung hợp đồng. Chính điều này đã dẫn đến việc người tiêu dùng nhanh chóng nhấp vào nút đồng ý giao kết hợp đồng mà không hề biết rõ ràng những điều khoản của hợp đồng là gì và những hậu quả pháp lý nào mình phải chịu khi có rắc rối xảy ra.

Do những bất cập do giao kết hợp đồng mẫu, nên cần thiết phải có một quy chế pháp lý điều chỉnh sao cho vừa không ảnh hưởng

đến quá trình đi đến thỏa thuận trong giao kết hợp đồng TMĐT, vừa bảo vệ được quyền lợi cho người tiêu dùng, cân bằng quyền và lợi ích của các bên. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2011 tuy đã có đưa ra một số quy định về hợp đồng mẫu nhưng dường như chỉ mới điều chỉnh các hợp đồng mẫu giao kết theo phương thức truyền thông mà chưa tính đến hợp đồng điện tử.

Thứ hai, chưa có quy định về công chứng hợp đồng TMĐT

Công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính chất xác thực, hợp pháp của văn bản (hợp đồng, giao dịch) do người yêu cầu công chứng đề nghị hoặc do pháp luật quy định phải công chứng. Thông thường, khi muốn công chứng viên chứng nhận một hợp đồng, giao dịch theo cách truyền thống, những người có yêu cầu công chứng phải trực tiếp xuất hiện trước mặt công chứng viên để đề xuất nội dung yêu cầu công chứng của mình. Như vậy, nếu muốn công chứng một hợp đồng thương mại thì hợp đồng đó phải được ký kết bằng phương thức truyền thống. Đối với hợp đồng TMĐT, các bên tham gia hợp đồng hoàn toàn trao đổi, đàm phán nội dung hợp đồng và ký kết từ xa thông qua phương tiện điện tử thì vấn đề đặt ra là nếu các bên có yêu cầu công chứng thì công chứng viên có công chứng được không và công chứng như thế nào? Có quan điểm cho rằng, trong giao dịch điện tử, bằng các công nghệ hiện đại việc nhận dạng các bên tham gia hợp đồng, chữ ký điện tử đều đã được số hóa đảm bảo tính toàn vẹn, chính xác của nội dung hợp đồng, thậm chí việc giao kết hợp đồng cũng được thực hiện trên môi trường mạng internet thì việc tham gia của công chứng viên là không cần thiết. Tuy nhiên, việc ra đời giao dịch điện tử không làm thay đổi bản chất của giao dịch. Nếu trước đây, để thiết lập một giao dịch, hợp đồng, người ta chỉ có thể thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình dưới hình thức là giao kết bằng miệng hoặc giao

kết bằng văn bản, nay nhờ tiến bộ của khoa học kỹ thuật mà chúng ta có thêm hình thức giao kết bằng phương tiện điện tử. Vì vậy, dù giao dịch được thực hiện bằng phương thức gì thì những nguyên tắc chung, cơ bản nhất áp dụng trong giao dịch, hợp đồng vẫn đương nhiên được áp dụng. Ví dụ: khi giao kết một hợp đồng mua bán tài sản, dù hợp đồng mua bán tài sản đó được thể hiện bằng bất kỳ phương thức nào - kể cả bằng giao dịch điện tử, thì các bên có liên quan vẫn phải tuân thủ các nguyên tắc, các quy định của Bộ luật Dân sự (BLDS)¹⁰. Do đó, vai trò của công chứng viên cần phải được tiếp tục duy trì và phát huy trong giao dịch điện tử. Mặc dù đây là một vấn đề quan trọng cần phải nhanh chóng có sự điều chỉnh của pháp luật do giao dịch điện tử ngày một phát triển nhanh chóng, tuy nhiên, Điều 63 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP mới quy định một cách chung chung về hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử. Luật Công chứng năm 2014 đã được Quốc hội thông qua ngày 20/6/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015 cũng chưa đề cập đến việc công chứng hợp đồng, giao dịch điện tử.

Thứ ba, chưa có các quy định điều chỉnh vấn đề "tài sản ảo"

Những năm gần đây, vấn đề "tài sản ảo" trở thành chủ đề nóng ở Việt Nam cùng với trào lưu phát triển các trò chơi trực tuyến (game online). Điều 105 BLDS năm 2015 quy định tài sản bao gồm "vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản". Vậy "tài sản ảo" có phải là tài sản hay không? Để xác định "tài sản ảo" là một loại tài sản cần phải xem xét các khía cạnh sau khác nhau. Xét về tính pháp lý, "tài sản ảo" là một khái niệm rất rộng như tên miền internet, địa chỉ hộp thư điện tử, các loại tài khoản game online, v.v.. Nhưng phổ biến nhất là "tài sản ảo"

trong trò chơi trực tuyến, tên miền. Tiếp cận theo nghĩa hẹp, "tài sản ảo" là các đối tượng ảo trong thế giới ảo, còn theo nghĩa rộng thì "tài sản ảo" được hiểu là những tài nguyên trên mạng máy tính được xác định giá trị bằng tiền và có thể chuyển giao trong các giao dịch dân sự. Khái niệm này được tiếp cận thông qua tư duy lý luận về quyền tài sản. Điều 115 BLDS năm 2015 quy định: "Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác". Con người không thể thông qua các giác quan của mình để tiếp cận được với quyền tài sản nên quyền tài sản không tạo cho mọi người khả năng tiếp cận mang tính vật thể mà cần phải xác định loại tài sản này thông qua giá trị thể hiện bằng tiền. Nhờ thông qua giá trị bằng tiền của quyền tài sản mà chúng ta có thể tiếp cận và tạo nên khả năng cảm nhận đầy đủ các quyền năng của chủ sở hữu đối với "tài sản ảo". Đó là quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt. Điều này cho thấy, "tài sản ảo" có bản chất "rất gần" với quyền tài sản và do đó việc thừa nhận nó như một loại tài sản cũng là hợp lý.

Xét về mặt giá trị, "tài sản ảo" có giá trị kinh tế và giá trị sử dụng vì nó đáp ứng những nhu cầu của con người. Trò chơi trực tuyến đáp ứng nhu cầu về giải trí; tên miền cung cấp một hình thức đại diện cho doanh nghiệp, cơ quan, thương hiệu... Trong thực tế, các giao dịch liên quan đến "tài sản ảo" được thực hiện khá phổ biến, mặc dù pháp luật không chính thức thừa nhận và bảo hộ loại tài sản này là đối tượng của giao dịch dân sự nhưng giá trị của các loại "tài sản ảo" này là rất lớn, có thể trị giá hàng chục, hàng trăm triệu, thậm chí hàng tỷ đồng.

¹⁰ Tuấn Đạo Thanh (2007). Một số vấn đề công chứng điện tử. <http://www.luatviet.org/Home/nghien-cuu-trao-doi/2007/3174/Mot-so-van-de-cong-chung-dien-tu.aspx>

Mặc dù giao dịch mua bán các tài sản này đã phổ biến nhưng vẫn chưa có quy định pháp luật nào định nghĩa thế nào là tài sản ảo và tài sản ảo trong quan hệ hợp đồng TMĐT được điều chỉnh như thế nào. Do tính phức tạp về công nghệ nên việc giám sát, giải quyết tranh chấp liên quan đến mua bán, chuyển nhượng tài sản ảo trong các game online nói riêng và tài sản ảo nói chung là vấn đề cần được nghiên cứu kỹ, tiến hành một cách thận trọng.

3. Một số kiến nghị liên quan đến hợp đồng thương mại điện tử

Một là, xây dựng và ban hành các quy định hướng dẫn cụ thể việc giao kết và thực hiện hợp đồng theo mẫu trên các website TMĐT

Để đảm bảo tính ứng thuận trong hợp đồng và đảm bảo tính công bằng trong quan hệ giữa thương nhân và người tiêu dùng, cần xây dựng những quy định cụ thể về hợp đồng mẫu trên các website TMĐT. Bên cạnh các quy định chung và mang tính kỹ thuật về giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website TMĐT đã được quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP, cần bổ sung quy định chi tiết về nội dung các hợp đồng TMĐT mẫu được đưa lên website.

Hai là, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về hợp đồng TMĐT

Việc rà soát, hệ thống hóa các VBQPPL về hợp đồng TMĐT có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hợp đồng TMĐT. Thông qua rà soát, hệ thống hóa, chúng ta có thể phát hiện được những quy định, những VBQPPL mâu thuẫn, chồng chéo, lạc hậu, không còn phù hợp với định hướng phát triển của hợp đồng TMĐT; từ đó kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, loại bỏ chúng hoặc ban hành văn bản mới, tiến tới xây dựng

một hệ thống pháp luật về hợp đồng TMĐT hoàn thiện, thống nhất, đồng bộ, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đáp ứng nhu cầu có một môi trường pháp lý lành mạnh, an toàn để giao kết hợp đồng TMĐT.

Đối với các chủ thể lựa chọn giao kết hợp đồng TMĐT, việc rà soát, hệ thống hóa các VBQPPL còn giúp cho họ có điều kiện nắm bắt dễ dàng, nhanh chóng những quy định của pháp luật hiệu hành về hợp đồng TMĐT để áp dụng vào từng trường hợp cụ thể, tránh sự lúng túng khi gặp phải những quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo. Nhờ đó, khi tranh chấp về hợp đồng TMĐT xảy ra, các vụ việc được giải quyết nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên. Có như vậy, các chủ thể mới mạnh dạn tham gia vào quá trình giao kết hợp đồng TMĐT.

Ngoài ra, việc có một hệ thống VBQPPL đã được hệ thống hóa theo trật tự còn giúp cho việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được dễ dàng hơn; tạo điều kiện cho hoạt động giảng dạy, nghiên cứu pháp luật về hợp đồng TMĐT.

Ba là, xây dựng thiết chế công chứng hợp đồng TMĐT

Nhu cầu công chứng điện tử của công dân là hoàn toàn chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên, cơ sở pháp lý để thực hiện công chứng điện tử lại chưa được ghi nhận. Ở nước ta hiện nay, chủ trương hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các ban ngành, các cơ quan, tổ chức đang rất được quan tâm và thực hiện rộng rãi. Trong đó, ngành công chứng Việt Nam dưới sự chủ trì của Bộ Tư pháp đã chú trọng thực hiện các dự án tin học hóa trong chương trình hợp tác quốc tế với ngành công chứng của Cộng hòa Pháp để đầu tư trang thiết bị, đào tạo kỹ năng tác nghiệp trên máy tính cho Công chứng viên, cán bộ của phòng

công chứng. Đây có thể nói là tiền đề, cơ sở vật chất ban đầu cũng như nhằm đúc rút kinh nghiệm thực tế để xây dựng công chứng điện tử ở nước ta. Đồng thời, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 đã xây dựng những cơ sở pháp lý cần thiết nhất cho hoạt động công chứng điện tử bằng việc ghi nhận những biện pháp, công cụ điện tử được sử dụng trong giao dịch điện tử cũng như thừa nhận giá trị pháp lý của hình thức giao dịch này¹¹. Do đó, Nhà nước cần nghiên cứu mô hình tổ chức và hoạt động của công chứng điện tử cũng như nghiên cứu ban hành những quy định pháp luật để điều chỉnh hoạt động này nhằm đáp ứng yêu cầu chính đáng và hợp pháp của công dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Dân sự năm 2015.
2. Luật Giao dịch điện tử năm 2005.
3. Luật Thương mại năm 2005.
4. Luật Công nghệ thông tin năm 2006
5. Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (2017), *Báo cáo chi số TMDT Việt Nam 2014*.
6. Tổ chức Thương mại thế giới, "Understanding the WTO· Electronic commerce", xem tại https://www.wto.org/english/thewto_e/whatis_e/tif_e/bey4_e.htm, truy cập ngày 2/4/2018.
7. Eurostat statistic explained, "Glossary. E-Commerce"; xem tại <http://ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php/Glossary:E-commerce>, truy cập ngày 2/4/2018
8. Renald Lafond và Chaitali Sinha, *E-commerce in the Asian context - Selected Case Studies*, xem tại <http://www.idrc.ca/en/resources/publications/pages/idrcbookdetails.aspx?publicationid=199>, truy cập ngày 2/4/2018
9. Ủy ban Liên hiệp quốc về Luật Thương mại Quốc tế, *Tình hình Mô hình Luật UNCITRAL về TMDT*, xem tại http://www.uncitral.org/uncitral/en/uncitral_texts/electronic_commerce/1996Model_status.html, (truy cập ngày 2/4/2018)
10. Linh Lê (2017), *Doanh nghiệp chuộng kinh doanh trên mạng xã hội*, xem tại <http://ictnews.vn/kinh-doanh/32-doanh-nghiep-viet-dang-trien-khai-kinh-doanh-tren-mang-xa-hoi-165608.ict>, truy cập ngày 2/4/2018.
11. Nguyễn Văn Thoan (2010), *Ký kết và thực hiện hợp đồng điện tử trong điều kiện Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án TS, Đại học Ngoại thương, tr. 28.
12. Trần Văn Biên (2012), *Hợp đồng điện tử theo pháp luật Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr 70.
13. Tuấn Đạo Thanh (2007), *Một số vấn đề công chứng điện tử*, xem tại <http://www.luatviet.org/Home/nghien-cuu-trao-doi/2007/3174/>
Moi-so-van-de-cong-chung-dien-tu.aspx, truy cập ngày 2/4/2018
14. Trần Lê Hồng (2007), *Tài sản ảo - Từ nhân thức đến bảo hộ*, Tạp chí Luật học, số 5/2007, tr 33.

Bổn là, xây dựng quy định điều chỉnh đối với tài sản ảo

Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Thông tư số 24/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 quy định chi tiết hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng, trong đó, Điều 7 Thông tư quy định về vật phẩm ảo, đơn vị ảo, điểm thưởng trong trò chơi trực tuyến. Tuy nhiên, đây chỉ là quy định mang tính chất chung chung về quyền và nghĩa vụ của người cung cấp dịch vụ trò chơi và người chơi mà không thừa nhận hay bảo hộ cho các tài sản ảo. Do đó, các cơ quan nhà nước cần nghiên cứu và đề xuất ban hành VBQPPL có giá trị pháp lý cao hơn điều chỉnh vấn đề tài sản ảo■

¹¹ Trần Văn Biên (2012), *Hợp đồng điện tử theo pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội, tr 296-298.